

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 14 tháng 3 năm 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận.

2. Bà Quách Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Xuân B; sinh năm: 1977

- Chị Bùi Thị H1; sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H1: Ông Nguyễn Xuân B; sinh năm: 1977 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/1025)

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

Anh Bùi Văn D, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Người làm chứng: Chị Bùi Thị T.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân B trình bày:

Anh Bùi Văn D có vay của vợ chồng anh B số tiền 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng) vào ngày 13/11/2018 âm lịch (tức ngày 19/12/2018 dương lịch). Trong giấy không thỏa thuận về lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2%/ tháng. Thời gian vay từ ngày 13/11/2018 âm lịch (tức ngày 19/12/2018 dương lịch) đến ngày 13/02/2019 âm lịch (tức ngày 18/3/2019 dương lịch) anh D phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho vợ, chồng anh B.

Quá hạn đã lâu nhưng anh D không trả tiền cho anh B mặc dù anh B đã nhiều lần yêu cầu anh D trả tiền.

Quá trình giải quyết, anh B yêu cầu anh D phải thanh toán số tiền gốc là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 19/8/2024 là 265.472.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi số tiền là 509.472.000 đồng (Năm trăm linh chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tại bản tự khai bổ sung ngày 18/02/2025 và tại phiên tòa, anh B trình bày: Anh thấy anh D đang khó khăn về kinh tế vì vậy anh đề nghị rút yêu cầu tính lãi số tiền 265.472.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) đối với anh D. Anh yêu cầu Tòa án buộc anh D thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và yêu cầu tính lãi sau khi Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh D để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, và tham gia phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để anh D biết việc anh B khởi kiện yêu cầu anh D phải trả tiền đã vay cho anh B, nhưng anh D không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, không có lời khai của anh D trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả toàn bộ số tiền gốc. Buộc anh Bùi Văn D phải trả số tiền gốc cho anh Nguyễn Xuân B, chị Hằng số tiền gốc là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Về tiền lãi: Chấp

nhận yêu cầu rút phần yêu cầu tính lãi của anh Nguyễn Xuân B. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền lãi từ khi giao kết hợp đồng vay tiền giữa anh Nguyễn Xuân B, chị Bùi Thị H1 và anh Bùi văn D của anh Nguyễn Xuân B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân B, chị Bùi Thị H1 khởi kiện yêu cầu anh Bùi Văn D trả số tiền là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng) theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Bùi Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh D và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh D đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh D đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh D đã được triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2018 âm lịch (tức ngày 19/12/2018 dương lịch) thể hiện: Anh Bùi Văn D có vay tiền của vợ chồng anh Nguyễn Xuân B, chị Bùi Thị H1 số tiền là: 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Thời hạn vay từ ngày 13/11/2018 âm lịch (tức ngày 19/12/2018 dương lịch) đến ngày 13/02/2019 âm lịch (tức ngày 18/3/2019 dương lịch). Như vậy đây là hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Là hợp đồng hợp pháp.

[3] Việc anh B tự nguyện rút yêu cầu trả tiền lãi từ khi giao kết hợp đồng vay tiền giữa anh Nguyễn Xuân B và anh Bùi văn D đối với số tiền 265.472.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) là tự nguyện của anh B, không trái quy định của pháp luật. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ yêu cầu về số tiền lãi 265.472.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) của anh B là phù hợp.

[4] Về yêu cầu trả tiền:

- Về yêu cầu trả tiền gốc: Quá trình vay anh D chưa trả được số tiền gốc nào. Anh B đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh D phải trả số tiền gốc cho vợ chồng anh, HĐXX thấy: Theo hợp đồng vay tiền thể hiện thời hạn trả nợ là 13/02/2019 âm lịch (tức ngày 18/3/2019 dương lịch). Đến nay đã 05 năm anh D chưa trả cho anh B, chị H1 được số tiền nào. Như vậy anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy yêu cầu trả tiền nợ gốc của anh B là có cơ sở nên được chấp nhận. Buộc anh D phải trả cho anh B, chị Hằng số tiền gốc đã vay 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng) là đúng quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu tính tiền lãi: Anh B yêu cầu tính lãi sau khi Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật, là phù hợp, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu của anh Nguyễn Xuân B, chị H1 được chấp nhận nên anh Bùi Văn D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Xuân B, chị H1 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật là 12.730.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, Khoản 1 Điều 207; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền lãi từ khi giao kết hợp đồng vay tiền giữa anh Nguyễn Xuân B, chị Bùi Thị H1 và anh Bùi Văn D của anh Nguyễn Xuân B.

2. Chấp nhận yêu cầu trả tiền gốc và yêu cầu tính tiền lãi từ thời điểm xét xử cho đến khi anh Bùi Văn D thanh toán xong toàn bộ tiền nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Xuân B.

3. Buộc anh Bùi Văn D phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Xuân B, chị Bùi Thị H1 số tiền gốc là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 15/3/2025), anh Bùi Văn D phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí:

- Anh Bùi Văn D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Xuân B, chị Bùi Thị H1 số tiền 12.730.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002378 ngày 08/10/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Nguyễn Xuân B, vắng mặt anh Bùi Văn D. Anh B, chị H1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

